

Bản án số: 70/2023/HS-PT
Ngày 27-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tào**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Tiến**

ông **Phạm Ngọc Thái**

- Thư ký phiên tòa: bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đoàn Minh Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến; diêm cầu trung tâm tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối diêm cầu thành phần tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk vụ án hình sự thụ lý số 53/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 01 năm 2023, đối với bị cáo H Bdap về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Do có kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2022/HS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 931/2023/QĐXXPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2023.

- Bị cáo có liên quan đến kháng cáo:

Họ và tên: **H Bdap**; tên gọi khác: A Yốp; giới tính: nữ, S ngày 25/11/1968, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Ê đê; tôn giáo: tin lành; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 5/12; họ tên cha Y (đã chết); họ tên mẹ: H (đã chết); bị cáo có 03 anh em ruột; bị cáo là con út; bị cáo có chồng là YH S năm 1963; bị cáo có 03 con, con lớn nhất S năm 1988, con nhỏ nhất S năm 1996; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện cho bị cáo H Bdap: Ông **Y H Byă**;

Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo H Bdap*: Luật sư **La Văn T** - Văn phòng Luật sư L – Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại có kháng cáo*: ông Bùi Bá K; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị kháng cáo*:

+ Ông Y S Êban, S năm 1972, có mặt tại phiên tòa.

+ Bà H M Kriêng, S năm 1975, có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2017 đến năm 2019, tại huyện C và thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, H Bdap S năm 1968, trú tại buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk với mục đích làm giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức làm hồ sơ giả để vay vốn các Ngân hàng, mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản nên đã nhờ đối tượng tên T (sau này H nghe nói lại tên thật là V, chưa rõ nhân thân lai lịch) làm giả 47 tài liệu như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ); trang bổ sung giấy chứng nhận, trích lục bản đồ... Sau đó, H sử dụng các loại giấy tờ giả này để thực hiện hành vi giao dịch thế chấp tài sản để vay vốn của các Ngân hàng và chuyển nhượng cho 04 cá nhân chiếm đoạt tổng số tiền 4.750.000.000đ (bốn tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể:

1. Về hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến 2019 H Bdap nhờ đối tượng tên T làm giả 47 tài liệu gồm:

- 01 GNQSDĐ số **U 096718** do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K cấp ngày 24/5/2002 cho hộ Y T Byă, trú tại buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk tại mục những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận ghi nội dung: “Ngày 20/12/2016 chuyển nhượng QSDĐ các thửa đất số 5391a, 5331c, 5414, tờ bản đồ số 21 cho ông Y T Niê, S năm 1994, CMND số 241660379 và bà H R Bdap, S năm 1996, CMND số 241793243, trú tại buôn K, xã E, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số 19872”, có hình dấu tròn màu đỏ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (CNVPĐKĐĐ) huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tất T (01); 01 trang bổ sung giấy chứng nhận kèm theo GNQSDĐ số **U 096718** có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tất T (02).

- 01 GCNQSDĐ số **K 519100** do UBND huyện K cấp ngày 30/12/1997 cho hộ Y T Byă, trú tại buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk tại mục N thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận ghi nội dung: “Ngày 20/12/2016 chuyển nhượng QSDĐ thửa đất số 5611, tờ bản đồ số 22 cho ông Y T Niê S năm 1994, CMND số 241660379 và bà H R Bdap S năm 1996, CMND số 241793243, thường trú tại buôn K, xã E, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số 19872”, có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên

Nguyễn Tất T (03); 01 trang bổ sung giấy chứng nhận kèm theo GCNQSDĐ số **K 519100** có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tiến D (04).

- 01 GCNQSDĐ số **W 808918** do UBND huyện K cấp ngày 25/12/2002 cho hộ H Min Niê, trú tại buôn Ea Mta, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk tại mục N thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận ghi nội dung: “Ngày 21/02/2017 chuyển nhượng QSDĐ thửa đất số 2906a, tờ bản đồ số 11 cho bà H N Niê, SN 1963, CMND số 240979526, thường trú tại buôn K, xã E, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số 18120”, có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tất T (05); 01 trang trích lục bản đồ địa chính (06) và 01 trang bổ sung giấy chứng nhận kèm theo GCNQSDĐ số **W 808918** có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tiến D (07).

- 01 GCNQSDĐ số **U 096029** do UBND huyện K cấp ngày 08/5/2002 cho hộ Y Gin Bdap, trú tại buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk tại mục N thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận ghi nội dung: “Ngày 07/02/2017 chuyển nhượng QSDĐ thửa đất số 8927a, tờ bản đồ số 34 cho bà H N Niê, SN 1963, CMND số 240979526, thường trú tại buôn K, xã E, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số 18082”, có hình dấu tròn của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tất T (08); 01 trang trích lục bản đồ (09) và 01 trang bổ sung giấy chứng nhận kèm theo GCNQSDĐ số **U 096029** có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tiến D (10).

- 01 GCNQSDĐ số **B 947873** do UBND huyện K cấp ngày 14/7/1993 cho ông Y Brih Knul, trú tại Ea KMen, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk tại mục N thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận ghi nội dung: “Ngày 15/3/2017 đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 8707, 9235, 9238, diện tích là 24.100m² cho bà H C Byă, S năm 1968. CMND số 240277856, thường trú tại xã E, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số 16376”, có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tiến D (11); 03 trang trích lục bản đồ (12,13,14) và 01 trang bổ sung giấy chứng nhận kèm theo GCNQSDĐ số **B 947873** có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Phan Thiên P (15).

- 01 GCNQSDĐ số **B 947915** do UBND huyện K cấp ngày 14/7/1993 cho bà H Durt Bdap, trú tại buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk tại mục N thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận ghi nội dung: “Ngày 23/3/2017 đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 9283, 9225, 9218, 9214, diện tích là 21.765m² cho bà K, S năm 1986. CMND số 241679255, thường trú tại xã D, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số CN001”, có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tất T (16); 04 trang trích lục bản đồ (17,18,19,20) và 01 trang bổ sung giấy chứng nhận kèm theo GCNQSDĐ số **B 947915** có hình dấu tròn màu đỏ của của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Phan Thiên P (21).

- 01 trang bổ sung giấy chứng nhận có hình dấu tròn màu đỏ của của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Phan Thiên P kèm theo GCNQSDĐ số **U 194493** do UBND huyện K cấp ngày 05/4/2001 cho hộ Y B Bdap (22).

- 01 GCNQSDĐ số **B 947100** do UBND huyện K cấp ngày 14/7/1993 cho ông Y T Eban, trú tại buôn K, xã E, huyện C, tại mục N thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận ghi

nội dung: “Ngày 18/11/2016, chuyển nhượng QSDĐ thửa đất số 5925, tờ bản đồ số 22 và thửa đất số 9590 tờ bản đồ số 26 cho bà H T Kpor, S năm 1964, CMND số 240277724, thường trú tại buôn K, xã E, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số 11274”, có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tất T (23); 02 trang trích lục bản đồ (24,25) và 01 trang bổ sung giấy chứng nhận kèm theo GCNQSDĐ số **B 947100** có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tất T (26).

- 01 GCNQSDĐ số **B 947193** do UBND huyện K cấp ngày 14/7/1993 cho ông Y Ning Bkrông, trú tại buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, tại mục N thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận ghi nội dung: “Ngày 25/5/2017, đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích 26.135m² cho bà H B Kpor, SN 1968, CMND số 240510770, thường trú tại xã E, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số 7806”, có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tiến D (27); 05 trang trích lục bản đồ (28,29,30,31,32) và 01 trang bổ sung giấy chứng nhận kèm theo GCNQSDĐ số **B 947193** có hình dấu tròn màu đỏ của của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Phan Thiên P (33).

- 01 GCNQSDĐ số **B 947221** do UBND huyện K cấp ngày 14/7/1993 cho ông Y Wăn Niê, trú tại buôn K, xã E, huyện C, tại mục N thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận ghi nội dung: “Ngày 06/4/2016, chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 6041, 2541, 7910, diện tích 18.040m² cho ông Y S Êban, SN 1972, CMND số 241568427 và vợ là H M Kriêng, SN 1975, CMND số 240452490, thường trú tại buôn E, xã E, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số CN001”, có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tất T (34); 03 trang trích lục bản đồ kèm theo GCNQSDĐ số **B 947221** (35, 36, 37).

- 01 GCNQSDĐ số **B 947065** do UBND huyện K cấp ngày 14/7/1993 cho bà H Bur Byă, trú tại buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, tại mục N thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận ghi nội dung: “Ngày 20/9/2016 đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 8494, 9164, 5327, diện tích là 24.775m², cho ông Y T Niê, SN 1994, CMND số 241660379 và bà H R Bdap, SN1996, CMND số 241793243, thường trú tại xã E, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số 19580CN001”, có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tiến D (38); 03 trang trích lục bản đồ (39,40,41) và 01 trang bổ sung giấy chứng nhận kèm theo GCNQSDĐ số **B 947065** có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Phan Thiên P (42).

- 01 GCNQSDĐ **B 947099**, do UBND huyện K cấp ngày 14/7/1993 cho ông Y D Ktul, trú tại buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, tại mục N thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận ghi nội dung: “Ngày 10/6/2016 để thừa kế lại toàn bộ thửa đất số 9198, 9773, 9774, diện tích là 21.660m², cho bà H O Byă, S năm 1962, CMND số 240130486, thường trú tại buôn K, xã E, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số TK001”, có hình dấu tròn màu đỏ của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Nguyễn Tất T (43); 03 trang trích lục bản đồ (44,45,46) và 01 trang bổ sung giấy chứng nhận kèm theo GCNQSDĐ **B 947099** có hình dấu tròn màu đỏ của của CNVPĐKĐĐ huyện C và chữ ký mang tên Phan Thiên P (47) (BL: 1559-1563).

Kết luận giám định số 986/KLGD-PC09 ngày 19/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- Đối với GCNQSDĐ số **K 519100**: Bìa phôi thật, 01 trích lục bản đồ là thật. Chữ ký mang tên Bùi Viết P và hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN N.D HUYỆN K T.ĐẮK LẮK” là thật. Chữ ký mang tên Nguyễn Tất T và hình dấu tròn có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” tại mục “Ngày 20/12/2016 chuyển nhượng QSDĐ thửa đất số 5611, tờ bản đồ số 22 cho ông Y T Niê, SN 1994, CMND số 241660379 và bà H R Bdap, SN 1996, CMND số 241793243, thường trú tại buôn Khít, xã E, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số 19872” là giả (1). Trang bổ sung giấy chứng nhận kèm theo GCNQSDĐ số K519100 là giả (2).

- Đối với GCNQSDĐ số **U 096718**: Bìa phôi thật; 02 trích lục bản đồ địa chính là thật, chữ ký mang tên Nguyễn Tất T tại mục “Ngày 12/5/2016 Nội dung về địa chỉ thường trú tại trang 02, 03 có thay đổi, địa chỉ thường trú mới là xã Ea Huar, Buôn Đôn, Đắk Lắk” là thật; hình dấu tròn có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” là thật. Chữ ký mang tên Nguyễn Tất T và hình dấu tròn có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” tại mục “Ngày 20/12/2016 chuyển nhượng QSDĐ các thửa đất số 5391a, 5331c, 5414, tờ bản đồ số 21 cho ông Y T Niê, S năm 1994, CMND số 241660379 và bà H R Bdap, S năm 1996, CMND số 241793243, thường trú tại buôn K, xã E, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số 19872” là giả (3). Trang bổ sung giấy chứng nhận kèm theo GCNQSDĐ số U096718 là giả (4) (BL: 195-198).

Kết luận giám định số 338/PC09 ngày 23/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- Đối với GCNQSDĐ số **B 947915**: Bìa phôi thật, 04 trang trích lục bản đồ là giả (5, 6, 7, 8). Chữ ký mang tên Châu Văn K và hình dấu tròn có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” dưới mục “Chủ tịch UBND” là thật. Chữ ký mang tên Nguyễn Tất T và hình dấu tròn có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” tại mục “Ngày 23/3/2017 đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 9283, 9225, 9218, 9214, diện tích là 21.765m² cho bà K. SN 1986. CMND số 241679255, thường trú tại xã Dray Bhang, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số CN001” là giả (9). Trang bổ sung giấy chứng nhận kèm theo GCNQSDĐ số B947915 là giả (10).

- Đối với GCNQSDĐ số **B 947873**: Bìa phôi thật, 03 trang trích lục bản đồ là giả (11, 12, 13). Chữ ký mang tên Châu Văn K và hình dấu tròn có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” dưới mục “Chủ tịch UBND” là thật. Chữ ký mang tên Nguyễn Tiến D và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” tại mục “Ngày 15/3/2017 đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 8707, 9235, 9238, diện tích là 24.100m² cho bà H C Byă. SN 1968. CMND số 240277856, thường trú tại

xã E, C, Đăk Lăk. Theo hồ sơ số 16376” là giả (14). Trang bổ sung giấy chứng nhận là giả (15).

- Đối với GCNQSDĐ số **B 947065**: Bìa phôi thật, 03 trang trích lục bản đồ là giả (16, 17, 18). Chữ ký mang tên Châu Văn K và hình dấu tròn có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐĂK LẮK” dưới mục “Chủ tịch UBND” là thật. Chữ ký mang tên Nguyễn Tiến D và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐĂK LẮK” tại mục “Ngày 20/9/2016 đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 8494, 9164, 5327, diện tích là 24.775m², cho ông Y T Niê, SN 1994, CMND số 241660379 và bà H R Bdap, SN1996, CMND số 241793243, thường trú tại xã E, C, Đăk Lăk. Theo hồ sơ số 19580CN001” là giả (19). Trang bổ sung giấy chứng nhận là giả (20).

- Đối với GCNQSDĐ số **B 947099**: Bìa phôi thật, 03 trang trích lục bản đồ là giả (21, 22, 23). Chữ ký mang tên Châu Văn K và hình dấu tròn có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐĂK LẮK” dưới mục “Chủ tịch UBND” là thật. Chữ ký mang tên Nguyễn Tất T và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐĂK LẮK” tại mục “Ngày 10/6/2016 để thừa kế lại toàn bộ thửa đất số 9198, 9773, 9774, diện tích là 21.660m², cho bà H O Byă, SN 1962, CMND số 240130486, thường trú tại buôn K, xã E, C, Đăk Lăk. Theo hồ sơ số TK001” là giả (24). Trang bổ sung giấy chứng nhận là giả (25).

- Đối với GCNQSDĐ số **W 808918**: Bìa phôi thật, 01 trích lục bản đồ địa chính là giả (26). Chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc N và hình dấu có nội dung “ỦY BAN N.D HUYỆN K T.ĐĂK LẮK” dưới mục “Chủ tịch UBND” là thật. Chữ ký mang tên Nguyễn Tất T và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐĂK LẮK” tại mục “Ngày 21/02/2017 chuyển nhượng QSDĐ thửa đất số 2906a, tờ bản đồ số 11 cho bà H N Niê, SN 1963, CMND số 240979526, thường trú tại buôn K, xã E, C, Đăk Lăk. Theo hồ sơ số 18120” là giả (27). Trang bổ sung giấy chứng nhận là giả (28).

- Đối với GCNQSDĐ số **U 096029**: Bìa phôi thật, 01 trang trích lục bản đồ địa chính là giả (29). Chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc N và hình dấu có nội dung “ỦY BAN N.D HUYỆN K T.ĐĂK LẮK” dưới mục “Chủ tịch UBND” là thật. Chữ ký mang tên Nguyễn Tất T và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐĂK LẮK” tại mục “Ngày 07/02/2017 chuyển nhượng QSDĐ thửa đất số 8927a, tờ bản đồ số 34 cho bà H N Niê, SN 1963, CMND số 240979526, thường trú tại buôn K, xã E, C, Đăk Lăk. Theo hồ sơ số 18082” là giả (30). Trang bổ sung giấy chứng nhận là giả (31).

- Đối với GCNQSDĐ số **U 194493**: Bìa phôi thật, 02 trang trích lục bản đồ là thật. Chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc N và hình dấu có nội dung “ỦY BAN N.D HUYỆN K T.ĐĂK LẮK” dưới mục “Chủ tịch UBND” là thật. Trang bổ sung giấy chứng nhận là giả (32) (BL: 239-242).

Kết luận giám định số 987/KLGD-PC09 ngày 15/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- Đối với GCNQSDĐ số **B 947100**: Bìa phôi thật, 02 trang trích lục bản đồ là giả (33,34). Chữ ký mang tên Châu Văn K dưới mục “Chủ tịch UBND” là thật. Chữ ký mang tên Lê P H và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ★ CU KUIN ĐAK LAK ★ CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM” là thật. Chữ ký mang tên Nguyễn Tiến D ở vị trí xác nhận “ngày 24/6/2014” và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ★ PHONG TAI NGUYEN VA MOI TRUONG ★ CU KUIN ĐAK LAK” là thật. Chữ ký mang tên Nguyễn Tất T, chữ ký mang tên Nguyễn Tiến D ở vị trí xác nhận “ngày 28/7/2014” và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” tại mục “Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền” là giả (35). Trang bổ sung giấy chứng nhận là giả (36).

- Đối với GCNQSDĐ số **B 947221**: Bìa phôi thật (BL: 207-209).

Kết luận giám định số 868/PC09 ngày 15/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Đối với GCNQSDĐ số **B 947221**: 03 trang trích lục bản đồ là giả (37, 38, 39). Chữ ký mang tên Châu Văn K dưới mục “Chủ tịch UBND” là thật. Chữ ký mang tên Nguyễn Tất T và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” tại mục “Ngày 06/4/2016, chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 6041, 2541, 7910, diện tích 18.040m² cho ông Y S Êban, SN 1972, CMND số 241568427 và vợ là H M Kriêng, SN 1975, CMND số 240452490, thường trú tại buôn E, xã E, C, Đắk Lắk. Theo hồ sơ số CN001” là giả (40) (BL: 185-186).

Kết luận giám định số 1029/KLGD-PC09 ngày 25/11/2020 và Bản kết luận giám định số 299/KL-KTHS ngày 31/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Đối với GCNQSDĐ số **B 947193**: Bìa phôi thật. 05 trang trích lục bản đồ là giả (41, 42, 43, 44, 45). Chữ ký mang tên Nguyễn Tiến D tại trang 4 trên tài liệu cần giám định và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN C – VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐẮK LẮK” là giả (46); 01 Trang bổ sung giấy chứng nhận là giả (47) (BL: 214-215).

Như vậy, trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2019, H Bđap đã có hành vi làm giả 47 tài liệu nêu trên. Sau khi có được các tài liệu giả nêu trên H đã sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo bằng hình thức làm hồ sơ vay vốn các Ngân hàng và mua bán, chuyển nhượng QSDĐ cho các cá nhân chiếm đoạt tổng số tiền 4.750.000.000 đồng (bốn tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Sau khi H thuê người làm giả 47 tài liệu nêu trên, H sử dụng các loại giấy tờ giả này để thực hiện hành vi giao dịch thế chấp tài sản vay vốn với các Ngân hàng và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản. H

Bdap đã nhờ một số người thân, bạn bè đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bằng cách làm giả thông tin tại mục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trích lục bản đồ. Khi vay tiền Ngân hàng phải đăng ký thế chấp tài sản thì H làm giả thêm trang bổ sung giấy chứng nhận có chữ ký, hình con dấu xác nhận đăng ký thế chấp của Lãnh đạo CNVPĐKĐĐ. Bằng thủ đoạn trên, H Bdap đã chiếm đoạt của các bị hại cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Hồ sơ vay vốn liên quan đến H R Bdap S năm 1996, trú tại buôn E, xã E, huyện C và Y T Niê S năm 1994, trú tại thôn 06, xã Hòa T, thành phố B tại Ngân hàng TMCP X chi nhánh Đắk Lắk (Ngân hàng X)

Sau khi làm giả 01 GNQSDĐ số **U 096718** kèm theo 01 trang bổ sung giấy chứng nhận và 01 GCNQSDĐ số **K 519100** kèm theo 01 trang bổ sung giấy chứng nhận, H nói với vợ chồng con gái tên H R Bdap và con rể tên Y T Niê là H có mua 02 mảnh đất và đã làm thủ tục sang nhượng quyền sử dụng đất cho hai con đứng tên. H nói cần tiền để đầu tư làm rẫy nên đề nghị H R và Y T thế chấp các thửa đất nêu trên để vay vốn ngân hàng. Do tin tưởng H nên H R và Y T đã đồng ý ký hồ sơ vay vốn bằng hình thức thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng X. Khi ông Đào Xuân T S năm 1989, trú tại thành phố B là cán bộ Ngân hàng đến thẩm định tài sản thế chấp thì H đã hướng dẫn H R đưa ông T đến khu vực đất rẫy của ông Y T Byă để kiểm tra thực tế. Sau khi lập hợp đồng thế chấp, Ngân hàng giao lại hồ sơ đăng ký thế chấp cho H thì H tiếp tục thuê người làm giả 01 trang bổ sung giấy chứng nhận xác nhận đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng X. Với thủ đoạn trên, H đã nhờ H R và Y T ký hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng này 03 lần:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 12/01/2017, ký Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số N0168/2017/HĐTD-BĐ với số tiền vay là 480.000.000 đồng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0225/2017/HĐTC-BĐ, tài sản thế chấp là GCNQSDĐ giả số U 096718, vào sổ cấp GCN số 341798 QSDĐ/KH do UBND huyện K cấp cho hộ Y T Byă ngày 24/5/2002; chuyển nhượng QSDĐ cho ông Y T Niê và bà H R Bdap được CNVPĐKĐĐ huyện C xác nhận ngày 20/12/2016.

- Lần thứ hai: Vào ngày 09/02/2017, ký Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số N0564/2017/HĐTD-BĐ với số tiền vay là 80.000.000 đồng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N0412/2017/HĐTC-BĐ, tài sản thế chấp là GCNQSDĐ giả số K 519100, vào sổ cấp GCN số 152478 QSDĐ/KH do UBND huyện K cấp cho hộ Y T Byă ngày 30/12/1997; chuyển nhượng QSDĐ cho ông Y T Niê và bà H R Bdap được CNVPĐKĐĐ huyện C xác nhận ngày 20/12/2016.

- Lần thứ ba: Vào ngày 24/3/2018, khi đến thời hạn trả tiền đối với lần vay thứ hai thì H đã nói với H R và Y T đến Ngân hàng để trả nợ, thanh toán hợp đồng vay ngày 09/02/2017 và ký hợp đồng tín dụng từng lần số N1252/2018/HĐTD-BĐ vay tiếp số tiền 80.000.000 đồng với Ngân hàng này cũng bằng hình thức thế chấp GCNQSDĐ giả số K519100.

Như vậy, H Bdap đã chiếm đoạt của Ngân hàng X số tiền 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng) (BL: 265-284; 758-762; 1064-1065; 1501-1505; 1194-1203; 1226-1231; 1506-1509; 1204-1219; 1232-1237; 1215-1217).

Vụ thứ hai: Hồ sơ vay vốn liên quan đến H N Niê tại Ngân hàng X

Sau khi thuê làm giả 01 GCNQSDĐ số W 808918 kèm theo 01 trích lục bản đồ giả và 01 trang bổ sung giấy chứng nhận; 01 GCNQSDĐ số U 096029 kèm theo 01 trích lục bản đồ giả và 01 trang bổ sung giấy chứng nhận; 01 giấy CMND số 240979526 mang tên H N Niê, H Bđap đóng giả là H N Niê sử dụng các giấy tờ giả nêu trên liên hệ Ngân hàng X để vay thế chấp. Khi anh Đào Xuân T là cán bộ Ngân hàng đến thẩm định tài sản thế chấp thì H dẫn anh T đi đến khu vực đất rẫy ở trong buôn K có hình dạng thửa đất tương tự như thửa đất trong trang trích lục bản đồ giả để anh T kiểm tra thực tế. Sau khi lập hợp đồng thế chấp vay vốn, cán bộ Ngân hàng đã giao lại hồ sơ đăng ký thế chấp cho H và H tiếp tục thuê người làm giả 01 trang bổ sung giấy chứng nhận xác nhận đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng X và các giấy tờ tùy thân: 01 sổ hộ khẩu hộ H N Niê, 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của H N Niê. Với thủ đoạn trên, H đã làm thủ tục vay vốn 02 lần với tổng số tiền vay là 450.000.000 đồng, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 07/4/2017, H đóng giả H N Niê để ký Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số N1645/2017/HĐTD-BĐ với số tiền vay là 370.000.000 đồng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N1681/2017/HĐTC-BĐ, tài sản thế chấp là GCNQSDĐ giả số W 808918.

- Lần 02: Ngày 10/4/2017, H tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số N1646/2017/HĐTD-BĐ với số tiền vay là 80.000.000 đồng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N1682/2017/HĐTC-BĐ, tài sản thế chấp là GCNQSDĐ giả số U 096029.

Như vậy, H Bđap đã chiếm đoạt của Ngân hàng X số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Toàn bộ số tiền H khai đưa cho đối tượng tên T, mục đích để lấy lại giấy tờ đang thế chấp của gia đình (tuy nhiên không có tài liệu chứng minh). Qua xác minh, H Bđap đã thế chấp GCNQSDĐ số B 947084, tờ bản đồ số 31, 32; thửa đất số 8438, 5712, 5819, 5822, 5821, 5817, 5817a, 5818 do UBND huyện K (nay là huyện C) cấp cho ông Y H Byă vào ngày 14/7/1993 vay tiền của bà Trần Thị Liễu. Sau đó bà Liễu cho con trai là ông Cao Thanh Tùng thế chấp GCNQSDĐ trên để vay số tiền 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng N chi nhánh T, tuy nhiên đến nay khoản nợ trên vẫn chưa thanh toán xong (BL: 285-287; 758-762; 1238-1268; 785-789).

Vụ thứ ba: Hồ sơ vay vốn liên quan đến bà H C Byă S năm 1968, trú tại buôn K A, xã E, huyện C tại Ngân hàng X

Với thủ đoạn tương tự như vụ thứ hai, H mượn CMND và sổ hộ khẩu của bà H C Byă là hàng xóm của H, H đã thuê người làm giả 01 GCNQSDĐ số B 947873 kèm theo 03 trích lục bản đồ và 01 trang bổ sung giấy chứng nhận, 01 CMND mang tên H C Byă, 01 sổ hộ khẩu hộ H C Byă, 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của H C Byă. H nhờ bà H C Byă đứng tên để vay vốn và hứa hẹn sau khi vay được tiền sẽ cho vay số tiền 50.000.000 đồng. H dẫn cán bộ Ngân hàng đến khu vực đất rẫy ở trong buôn K có hình dạng thửa đất tương tự như thửa đất trong trang trích lục bản đồ giả để kiểm tra thực tế. Ngày 04/6/2018, H dẫn bà H C Byă đi đến Ngân hàng X ký Hợp đồng tín dụng từng lần số N2657/2018/HĐTD-BĐ với số tiền vay là 550.000.000 đồng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N1034/2018/HĐTC-BĐ, tài sản thế chấp là GCNQSDĐ giả số B 947873. Sau khi vay được tiền, H đã đưa 500.000.000 đồng cho đối tượng T (tuy nhiên không có tài liệu chứng minh), đồng thời

cho bà H C vay số tiền 50.000.000 đồng. Khi đưa tiền cho H C vay thì H tự viết giấy vay tiền có nội dung “Ngày 05/6/2018, H C vay của bà M số tiền 50.000.000 đồng, thời gian vay 5 năm...”. Đến ngày 18/6/2019, H C đã trả cho H số tiền 10.000.000 đồng.

Như vậy, H Bđap đã chiếm đoạt của Ngân hàng X số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) (BL: 320-329; 758-762; 1269-1283).

Vụ thứ tư: Hồ sơ vay vốn liên quan đến ông Y E Byă, S năm 1988 và bà K, S năm 1986 cùng trú tại buôn K, xã E, huyện C tại Ngân hàng X.

Với thủ đoạn tương tự như vụ thứ ba, H thuê người làm giả 01 GCNQSDĐ số B 947915 kèm theo 04 trích lục bản đồ và 01 trang bổ sung giấy chứng nhận. H nhờ vợ chồng K và Y E Byă đứng tên để vay vốn và hứa hẹn sau khi vay được tiền sẽ cho vay số tiền 50.000.000 đồng. H dẫn anh Hiệp, cán bộ ngân hàng đến khu vực đất rẫy ở trong buôn K có hình dạng thửa đất tương tự như thửa đất trong trang trích lục bản đồ giả để kiểm tra thực tế. Ngày 10/9/2018, H dẫn vợ chồng K và Y E Byă đến Ngân hàng TMCP X chi nhánh Đăk Lăk ký Hợp đồng tín dụng từng lần số N4116/12/2018/HĐTD-BĐ với số tiền vay là 450.000.000 đồng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N1544/2018/HĐTC-BĐ, tài sản thế chấp là GCNQSDĐ giả số B 947915. Sau khi vay được số tiền 450.000.000 đồng, H đưa cho đối tượng tên T số tiền 400.000.000 đồng (tuy nhiên không có tài liệu chứng minh), đồng thời cho vợ chồng ông Y E Byă và bà K vay lại số tiền 50.000.000 đồng. Khi đưa tiền cho vay thì H tự viết giấy vay tiền có nội dung thể hiện “Y E Byă có đứng vay bìa bà M, tài sản thuộc bà M. Y E có vay ké 50.000.000 đồng, thời gian 5 năm...” Đến nay, vợ chồng Y E Byă chưa trả lại tiền vay cho H.

Như vậy, H Bđap đã chiếm đoạt của Ngân hàng X số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) (BL: 349-362; 758-762; 1284-1299).

Vụ thứ năm: Hồ sơ vay vốn liên quan đến ông Y B Bđap (tên thật là Y D Ktũl S năm 1970) và bà H T Byă (tên thật là H N Byă S năm 1994) cùng trú tại buôn K A, xã E, huyện C tại Ngân hàng X

Tháng 9/2018, H liên hệ, thỏa thuận với ông Y D Ktũl là hàng xóm và con gái của ông Y D là H N Byă, về việc nhờ đứng tên vay tiền của Ngân hàng. H nói với ông Y D là đất của H nhờ đứng tên để vay và hứa hẹn sau khi vay được tiền sẽ cho ông Y D vay số tiền 50.000.000 đồng. Tin tưởng nên ông Y D Ktũl và bà H N Byă đồng ý và đưa CMND cho H. H đưa 02 CMND trên cho đối tượng tên T làm giả 01 CMND mang tên Y B Bđap với hình chân dung của Y D Ktũl, 01 CMND mang tên H T Byă với hình chân dung của H N Byă, 01 sổ hộ khẩu hộ Y B Bđap, 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Y B Bđap, 01 trích lục khai tử của bà H Sa Vòng Byă. Trước đó, H được đối tượng tên T đưa cho 01 GCNQSDĐ số U 194493 do UBND huyện K cấp ngày 05/01/2001 cho hộ ông Y B Bđap kèm 02 tờ trích lục bản đồ. Ngày 27/9/2018, H dẫn ông Y D và chị H N đến Ngân hàng X. Tại đây, H nói với ông Y D Ktũl và H N Byă là khi làm thủ tục sang nhượng khi ký hồ sơ vay tiền thì ông Y D Ktũl ký tên là Y B Bđap, H N Byă ký tên là H T Byă. Trước khi kí hồ sơ khoảng 1 tuần H dặn H N dẫn cán bộ thẩm định của Ngân hàng X đi xem đất rẫy của H và nói là đất của H T Byă và Y B Bđap. Ngày 27/9/2018, ông Y D Ktũl và

H N Byă đã ký Hợp đồng tín dụng từng lần số N5122/12/2018/HĐTD-BĐ với số tiền vay là 450.000.000 đồng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N1738/2018/HĐTC-BĐ, tài sản thế chấp là GCNQSDĐ số U194493. Sau khi lập hợp đồng, cán bộ ngân hàng giao lại hồ sơ đăng ký thế chấp cho H và H đã thuê đối tượng tên T làm giả 01 trang bổ sung giấy chứng nhận xác nhận đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng X. Sau khi nhận số tiền 450.000.000 đồng, H đưa cho đối tượng T 400.000.000 đồng (tuy nhiên không có tài liệu chứng minh) và cho H N Byă vay số tiền 50.000.000 đồng. Khi đưa tiền cho H N Byă vay thì H tự viết giấy vay tiền có nội dung thể hiện “*Hai đôi bên đã thỏa thuận thống nhất với nhau đồng ý đứng dùm bà cho bà M. Bà H N có vay ké 50.000.000 đồng, thời gian trong 5 năm trả đủ...*” Đến nay H N Byă chưa trả số tiền vay cho H.

Như vậy, H Bdap đã chiếm đoạt của Ngân hàng X số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) (BL: 389-408; 758-762; 1300-1307).

Vụ thứ sáu: Hồ sơ vay vốn liên quan đến bà H T Kpor tại Ngân hàng TMCP P, Chi nhánh Đắk Lắk (Ngân hàng P)

Với thủ đoạn tương tự như vụ thứ năm, H nhờ bà H D Kpor S năm 1964, trú tại buôn E, xã E, huyện C đứng tên vay tiền của Ngân hàng, đồng thời hứa hẹn trả cho bà H D 15.000.000 đồng tiền công và cho vay 50.000.000 đồng. Vì tin tưởng và đang cần tiền để chi tiêu, bà H D đồng ý và đưa CMND cho H. Sau khi nhận các tài liệu giả: 01 GCNQSDĐ số B 947100 kèm theo 02 trích lục bản đồ và 01 trang bổ sung giấy chứng nhận, 01 CMND mang tên H T Kpor, 01 sổ hộ khẩu hộ H T Kpor, 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của H T Kpor từ đối tượng tên T, H cùng H D Kpor đến Ngân hàng P để ký hợp đồng tín dụng số 1175/2017/HĐTD-CN đề ngày 07/9/2017 với số tiền vay là 450.000.000 đồng. H nói với bà H D là khi làm thủ tục vay tiền thì ký với tên là H T Kpor. Khi cán bộ Ngân hàng đi thẩm định tài sản thế chấp thì H hướng dẫn H D dẫn đến khu vực đất rẫy của H để kiểm tra thực tế. Sau khi nhận lại hồ sơ để đăng ký thế chấp thì H thuê người làm giả 01 trang bổ sung giấy chứng nhận xác nhận đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng P. Sau khi nhận được tiền vay, H lấy 100.000.000 đồng, đưa đối tượng T 285.000.000 đồng (tuy nhiên không có tài liệu chứng minh), cho H D 15.000.000 đồng và cho vay 50.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng, có viết giấy tờ vay mượn tiền. Khi đến hạn trả nợ thì H D đã thỏa thuận, trả cho H 02 con bò cùng số tiền 8.500.000 đồng để trừ nợ tổng số tiền vay 50.000.000 đồng.

Đối với khoản vay trên, sau khi biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 947100 là giấy tờ giả, Ngân hàng P đã trao đổi, thống nhất với bà H D về việc trả tiền vay, nhằm đạt mục tiêu kinh doanh và chia sẻ rủi ro. Anh Lê Hữu T S năm 1984, trú tại thành phố B – là Giám đốc Quan hệ khách hàng Ngân hàng P đã tự trả số tiền 335.000.000 đồng và bà H D tự trả số tiền 115.000.000 đồng để tất toán khoản vay.

Như vậy, H Bdap đã chiếm đoạt của Ngân hàng P số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Do anh Lê Hữu T và bà H D đã tự nguyện khắc phục trả thay cho H nên Ngân hàng P không còn thiệt hại về tài sản. Vì vậy buộc H

phải trả lại 335.000.000 đồng cho anh Lê Hữu T và 115.000.000 đồng cho bà H D (BL: 435-449; 758-762; 1387-1421).

Vụ thứ bảy: Hồ sơ vay vốn liên quan đến bà H B Kpor S năm 1968, trú tại buôn E, xã E, huyện C tại Ngân hàng TMCP P chi nhánh tỉnh Đắk Lắk

Với thủ đoạn tương tự như vụ thứ ba, H nhờ bà H B Kpor đứng tên giấy tờ đất cho H để vay vốn Ngân hàng, hứa hẹn khi vay được tiền sẽ cho bà H B vay số tiền 50.000.000 đồng. H B đồng ý và được H hướng dẫn liên hệ vay vốn bằng hình thức thế chấp tài sản tại Ngân hàng P. H đã thuê đối tượng tên T làm giả 01 GCNQSDĐ số B 947193 kèm theo 05 trang trích lục bản đồ. Khi Ngân hàng thẩm định tài sản thế chấp thì H hướng dẫn H B dẫn cán bộ Ngân hàng đi đến khu vực đất rẫy của H để kiểm tra thực tế. Sau khi nhận lại hồ sơ để đăng ký thế chấp thì H thuê người làm giả 01 trang bổ sung giấy chứng nhận với chữ ký, hình con dấu của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác nhận đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng P. Ngày 05/10/2017, H B đã ký hồ sơ vay vốn với Ngân hàng P để vay số tiền 450.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền vay, H cho H B vay 50.000.000 đồng, đưa cho đối tượng tên T 400.000.000 đồng (tuy nhiên không có tài liệu chứng minh). Đến đầu năm 2020, H B bị ngân hàng yêu cầu trả nợ. Do tin tưởng H sử dụng tài sản có thật để thế chấp vay tiền và được H hứa hẹn trả tiền nên bà H B đã tự lấy tiền của mình để trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng P. Sau khi lấy được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 947193, bà H B đưa đến CNVPĐKĐĐ huyện C để xóa thế chấp thì mới phát hiện là giấy tờ giả.

Như vậy, H B đã chiếm đoạt của Ngân hàng P số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng). Do bà H B đã tự nguyện khắc phục tất toán khoản vay trả thay cho H nên Ngân hàng P không còn thiệt hại về tài sản. Vì bà H B chỉ yêu cầu H bồi thường số tiền 400.000.000 đồng, nên buộc H phải trả lại 400.000.000 đồng cho bà H B (BL: 719-747; 697-717; 758-762).

Vụ thứ tám: Chiếm đoạt của anh Bùi Bá K, S năm 1992, trú tại số 374 Võ Văn Kiệt, phường K Xuân, thành phố B.

Trong năm 2018, thông qua bà Phạm Thị L, S năm 1890, trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, H B đã trao đổi, thỏa thuận với anh Bùi Bá K về việc bán cho anh K 01 lô đất với giá 300.000.000 đồng. Trước đó, H nhờ vợ chồng ông Y S Êban, S năm 1972 và bà H M Kriêng, S năm 1975, cùng trú tại buôn E, xã E, huyện C đứng tên giấy tờ đất để vay tiền và hứa hẹn cho vay số tiền 25.000.000 đồng. Y S Êban và H M Kriêng đồng ý thì H nhờ T làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 947221 kèm theo 03 trang trích lục bản đồ. Sau khi làm xong giấy tờ giả, đến ngày 02/01/2020, H dẫn ông Y S Êban và bà H M Kriêng đi đến Văn phòng công chứng Đỗ Xuân Bình, địa chỉ 252 Lê Duẩn, thành phố B để hướng dẫn cho ông Y S Êban và bà H M Kriêng ký công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng với anh Bùi Bá K và nhận của anh K số tiền 300.000.000 đồng, sau đó đưa toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng cho H.

Sau khi nhận tiền H đưa cho vợ chồng ông Y S Êban và bà H M Kriêng vay 25.000.000 đồng.

Như vậy, H B đã chiếm đoạt 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) của anh Bùi Bá K (BL: 499-588).

Vụ thứ chín: Chiếm đoạt của anh Lê Minh L, S năm 1984, chị Nguyễn Thị Hồng H, S năm 1984, cùng trú tại thành phố B và anh Phạm Văn H, S năm 1977, trú tại huyện C.

Tháng 11/2017, H nhờ T làm giả GCNQSDĐ số B 947065 kèm theo 03 trang trích lục bản đồ. Sau khi làm xong giấy tờ giả, H nói với H R Bdap và Y T Niê về việc cho hai con đứng tên lô đất trên, đề nghị H R và Y T đứng tên thế chấp để vay vốn của ngân hàng. Do tin tưởng H nên H R và Y T đã đồng ý ký hồ sơ vay vốn bằng hình thức thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng P. Khi cán bộ Ngân hàng đến thẩm định tài sản thì H đã tự dẫn đi kiểm tra đất rẫy của gia đình. Sau khi lập hợp đồng và nhận lại hồ sơ để đăng ký thế chấp, H tiếp tục nhờ làm giả 01 Trang bổ sung giấy chứng nhận xác nhận đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng P. Ngày 11/11/2017, H R và Y T đã ký hồ sơ tín dụng tại ngân hàng này để vay số tiền 400.000.000 đồng rồi đưa lại toàn bộ số tiền đó cho H.

Tháng 10/2018, H nhờ T làm giả GCNQSDĐ số B 947099, kèm theo 03 trang trích lục bản đồ. Sau đó, H nhờ bà H O Byă S năm 1962, trú tại buôn K A, xã E, huyện C đứng tên giấy tờ đất của H để vay vốn Ngân hàng và hứa cho bà H O 10.000.000 đồng (nhưng sau đó H chỉ cho H O 3.000.000 đồng và thêm một số tiền, cụ thể bao nhiêu thì H O không nhớ rõ). Bà H O tin tưởng H nên đồng ý ký hồ sơ vay vốn bằng hình thức thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng Thương mại cổ phần X chi nhánh Đắk Lắk. Khi cán bộ ngân hàng thẩm định tài sản thì H cùng H O Byă dẫn cán bộ ngân hàng đi kiểm tra đất rẫy của gia đình H. Sau khi nhận lại hồ sơ để đăng ký thế chấp, H tiếp tục thuê người làm giả 01 Trang bổ sung giấy chứng nhận xác nhận đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng X. Ngày 25/10/2018, bà H O Byă đã ký hồ sơ tín dụng tại ngân hàng này để vay số tiền 270.000.000 đồng rồi đưa lại cho H toàn bộ số tiền đó. H viết 01 giấy cam kết thể hiện nội dung nhờ H O Byă đứng tên vay tiền ngân hàng đưa cho H O giữ.

Tháng 10/2019, H đã gặp và thỏa thuận bán đất cho anh Lê Minh L, chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Phạm Văn H. H đã dẫn những người này đến 01 khu đất có diện tích hơn 02 ha tại buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và nói là đất của gia đình mình. Tin tưởng H nên anh L, chị H và anh H đồng ý mua lô đất trên với giá 1.200.000.000 đồng. Lúc này H nói giấy tờ đất đứng tên vợ chồng con gái của H là H R Bdap và con rể Y T Niê, đang thế chấp tại Ngân hàng P. H đề nghị bên mua thanh toán hợp đồng vay Ngân hàng, rút GCNQSDĐ ra rồi sẽ làm thủ tục sang nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 04/10/2019, H đã nhận số tiền đặt cọc 150.000.000 đồng, lập hợp đồng đặt cọc với bên bán là H R Bdap, bên mua là Nguyễn Thị Hồng H. Đến ngày 17/10/2019, những người nêu trên đi đến Ngân hàng P. Tại đây, anh L, chị Hồng H và anh H đã đưa thêm tiền cho H với tổng số tiền tính cả tiền đặt cọc ban đầu là 740.000.000 đồng, hai bên làm hợp đồng đặt cọc đề ngày 17/10/2019, có chữ ký đề tên bên mua là Nguyễn Thị Hồng H, bên bán là H R Bdap; người làm chứng có chữ ký đề tên Lê Minh L và H Bdap. H R trả tiền gốc, lãi cho Ngân hàng và rút GCNQSDĐ số B 947065 ra. Lúc này, chồng của H R là Y T Niê đòi chia tài sản, không đồng ý ký tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên các bên không thực hiện được việc công chứng hợp đồng sang nhượng.

Đến tháng 11/2019, H nói với anh L, chị H và anh H là sẽ bán lại lô đất khác với diện tích và giá tiền tương đương. Sau khi được H dẫn đi xem đất thì anh L, chị H và anh H đồng ý mua. Lúc này, H nói là đất của H nhưng đang nhờ bà H O Byă đứng tên và hiện GCNQSDĐ số B 947099 đứng tên H O đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng X, tiếp tục thỏa thuận về việc trả tiền cho Ngân hàng để rút sổ về mới thực hiện công chứng hợp đồng sang nhượng. Ngày 09/12/2019, tại Ngân hàng X, anh L, chị H và anh H đã đưa cho H số tiền 350.000.000 đồng. Anh H viết hợp đồng đặt cọc với bên đặt cọc là Phạm Văn H, bên nhận cọc là H O Byă, người làm chứng là H Bdap. H đưa cho H O số tiền 287.000.000 đồng để trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, rút GCNQSDĐ số B 947099 ra. Đến ngày 18/12/2019, hai bên thống nhất đến Văn phòng Công chứng Đại An, địa chỉ 38 Ngô Quyền, thành phố B để lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa H O Byă và Nguyễn Thị Hồng H. Sau khi lập hợp đồng, chị H nộp hồ sơ chuyển nhượng đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thì phát hiện GCNQSDĐ số B 947099 là giả. Ngoài ra chị H liên hệ hỏi về GCNQSDĐ số B 947099 thì cũng được biết là giả. Sau khi thực hiện thủ tục sang nhượng H O được cho 3.000.000 đồng

Như vậy, H Bdap đã chiếm đoạt của anh Lê Minh L, chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Phạm Văn H tổng số tiền 1.090.000.000 đồng (một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng), trong đó của chị H 650.000.000 đồng của anh L 290.000.000 đồng và của anh H 150.000.000 đồng. Đối với Ngân hàng X và Ngân hàng P không bị thiệt hại về tài sản (BL: 621-673; 764-767; 1064-1065).

Tại Kết luận Giám định số 337 ngày 08/6/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Chữ viết và dấu vân của H N Niê tại các hồ sơ tín dụng so với chữ viết, dấu vân của H là cùng một người viết ra và trùng khớp với mẫu vân so sánh;

Chữ viết, chữ ký, dấu vân mang tên Y B Bdap tại hồ sơ tín dụng so với chữ ký, chữ viết, dấu vân đứng tên Y D Ktũl là do cùng một người ký ra, viết ra và trùng khớp với mẫu vân so sánh; Chữ viết, chữ ký mang tên H T BYă tại hồ sơ tín dụng so với chữ ký, chữ viết, dấu vân đứng tên N Byă là do cùng một người ký ra, viết ra và trùng khớp với mẫu vân so sánh;

Chữ viết, chữ ký mang tên Y E Byă tại hồ sơ tín dụng so với chữ ký, chữ viết của Y E Byă là do cùng một người ký ra, viết ra;

Chữ viết, chữ ký, dấu vân mang tên H C Byă tại hồ sơ tín dụng so với chữ ký, chữ viết của H C Byă là do cùng một người ký ra, viết ra và trùng khớp với mẫu vân so sánh;

Chữ viết, chữ ký, dấu vân mang tên H R Bdap và Y T Niê tại hồ sơ tín dụng so với chữ ký, chữ viết, dấu vân của H R Bdap và Y T Niê là do cùng một người ký ra, viết ra và trùng khớp với mẫu vân so sánh;

Chữ viết, chữ ký mang tên H O Byă tại hồ sơ tín dụng so với chữ ký, chữ viết của H O Byă là do cùng một người ký ra, viết ra (BL: 224-228)

Tổng cộng H Bdap đã chiếm đoạt của 06 bị hại với số tiền 4.750.000.000 đồng (bốn tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2022/HS-ST ngày 08/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Về tội danh: Bị cáo H Bdap phạm các tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

[2] Về hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo H Bdap 18 (Mười tám) năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*;

Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo H' Ngom Bdap 04 (Bốn) năm tù về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo H Bdap phải chịu hình phạt chung là 22 (hai mươi hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/10/2020.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự: buộc bị cáo H Bdap phải bồi thường cho các bị hại và người có nghĩa vụ liên quan số tiền chiếm đoạt. Cụ thể như sau:

- Bồi thường Ngân hàng X số tiền 2.295.000.000 đồng;
- Bồi thường anh Lê Hữu T số tiền 335.000.000 đồng;
- Bồi thường bà H B Kpor số tiền 400.000.000 đồng;
- *Bồi thường anh Bùi Bá K số tiền 300.000.000 đồng;*
- Bồi thường anh Lê Minh L số tiền 290.000.000 đồng;
- Bồi thường chị Nguyễn Thị Hồng H số tiền 650.000.000 đồng;
- Bồi thường anh Phạm Văn H số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/01/2023, anh Bùi Bá K là người bị hại kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng buộc ông Y S Êban và bà H M Kriêng bồi thường cho anh số tiền 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Bá K; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Đơn kháng cáo, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận nội dung có liên quan đến kháng cáo như sau:

Trong năm 2018, thông qua bà Phạm Thị L, S năm 1890, trú tại 181 Amakhe, phường Tự An, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo H Bdap trao đổi, thỏa thuận với anh Bùi Bá K về việc bán cho anh K 01 lô đất với giá 300.000.000 đồng. Trước đó, H Bdap đã nhờ vợ chồng ông Y S Êban, S năm 1972 và bà H M Kriêng, S năm 1975, cùng trú tại buôn E, xã E, huyện C đứng tên giấy tờ đất để vay tiền và hứa hẹn cho vay số tiền 25.000.000 đồng. Y S Êban và H M Kriêng đồng ý thì H Bdap nhờ T làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 947221 kèm theo 03 trang trích lục bản đồ. Sau khi làm xong giấy tờ giả, đến ngày 02/01/2020, H Bdap dẫn ông Y S Êban và bà H M Kriêng đi đến Văn phòng công chứng Đỗ Xuân Bình, địa chỉ 252 Lê Duẩn, thành phố B để hướng dẫn cho ông Y S Êban và bà H M Kriêng ký công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng với anh Bùi Bá K và nhận của anh K số tiền 300.000.000 đồng, sau đó đưa toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng cho H Bdap. Sau khi nhận tiền H Bdap đưa cho vợ chồng ông Y S Êban và bà H M Kriêng vay 25.000.000 đồng.

[1]. Xét kháng cáo của anh Bùi Bá K, nhận thấy:

[1.1]. Về tố tụng: Theo nội dung trên, nhưng án sơ thẩm không đưa vợ chồng ông Y S Êban và bà H M Kriêng vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót; tuy nhiên xét thấy thiếu sót này không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, do đó, Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục đưa vợ chồng ông Y S Êban và bà H M Kriêng vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về nội dung: Quá trình điều tra xác định ông Y S Êban và bà H M Kriêng đều không biết H Bdap làm giả tài liệu; không biết động cơ, mục đích của H Bdap, nên khi H Bdap nhờ đứng tên trong GCNQSDĐ, do quen biết và tin tưởng nên ông Y S Êban và bà H M Kriêng đã đồng ý đứng tên và sau đó ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng với anh Bùi Bá K theo hướng dẫn của bị cáo và sau khi nhận của anh K số tiền 300.000.000 đồng đã đưa toàn bộ số tiền này cho H Bdap. Với kết quả quá trình điều tra, các cơ quan tiến hành tố tụng xác định ông Y S Êban và bà H M Kriêng không đồng phạm với bị cáo H Bdap trong tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, án sơ thẩm buộc bị cáo H Bdap có trách nhiệm bồi thường cho anh Bùi Bá K số tiền 300.000.000 đồng là đúng, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Bá K; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Bùi Bá K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Bá K; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự: buộc bị cáo H Bđap phải bồi thường cho anh Bùi Bá K số tiền 300.000.000 đồng.

2. Án phí phúc thẩm: anh Bùi Bá K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2022/HSST ngày 08/12/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu: HSVA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào